TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐĂK LĂK	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 01/2019/HS-ST
ngày 24 - 01 - 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa:*** ông Nguyễn Thế Dương.

- Các Hội thẩm nhân dân: ông Y Đo Niê; ông Nguyễn Văn Giang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà:*** ông Trương Công Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 34/2018/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Đoàn Quang K sinh ngày 20/5/1970 tại huyện Th, tỉnh T. Nơi cư trú: thôn 10, xã Kr, huyện K, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: 02/12. Dân tộc: kinh. Giới tính: nam. Tôn giáo: không. Con ông Đoàn Trọng Q sinh năm1938 và bà Đàm Thị H1 sinh năm 1945. Vợ Phan Thị H2 sinh năm 1975 và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1995; con nhỏ nhất sinh năm 2001), hiện ở thôn 10, xã Kr, huyện K, tỉnh Đ. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11 đến ngày 19 tháng 10 năm 2018. Bị cáo hiện đang tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Tuấn V sinh ngày 25/8/1993 tại huyện E, tỉnh Đ. Nơi cư trú: thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: thợ mộc. Trình độ học vấn: 8/12. Dân tộc: kinh. Giới tính: nam. Tôn giáo: không. Con ông Bùi Kim P sinh năm 1966 và bà Lê Thị T1 sinh năm 1969. Vợ: Trần Thị T2 sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2017, hiện ở: thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11 đến ngày 19 tháng 10 năm 2018. Bị cáo hiện đang tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lương Văn T sinh ngày 03/4/1993 tại xã T, huyện L, tỉnh B. Nơi cư trú: thôn 6, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: 6/12. Dân tộc: Nùng. Giới tính: nam. Tôn giáo: không. Con ông Lương Văn V - đã chết, con bà Chu Thị C sinh năm 1965. Vợ: Mã Thị N sinh năm 1994 và có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015) hiện ở : thôn 6, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11 đến ngày 19 tháng 10 năm 2018. Bị cáo hiện đang tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Xuân L sinh ngày 01/01/1976 tại xã Th, huyện T, tỉnh H. Nơi cư trú: thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: 6/12. Dân tộc: kinh. Giới tính: nam. Tôn giáo: không. Con ông Nguyễn T - đã chết, con bà Phạm Thị H sinh năm 1949. Vợ: Nguyễn Thị Hoài T sinh năm 1977 và có 02 con (con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009) hiện ở : thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11 đến ngày 19 tháng 10 năm 2018. Bị cáo hiện đang tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Võ Văn H sinh ngày 27/6/1990 tại xã E, huyện K, tỉnh Đ. Nơi cư trú: thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: 12/12. Dân tộc: kinh. Giới tính: nam. Tôn giáo: không. Con ông Võ B sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1953. Vợ: Nguyễn Thị B sinh năm 1989 và có 02 con (con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017) hiện ở: thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11 đến ngày 19 tháng 10 năm 2018. Bị cáo hiện đang tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Đặng Văn H1 sinh ngày 01/3/1973 tại xã Tr, huyện T, tỉnh N. Nơi cư trú: thôn 2, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: 3/10. Dân tộc: kinh. Giới tính: nam. Tôn giáo: không. Con ông Đặng Văn Q và bà Trần Thị N – đã chết. Vợ: Lưu Thị H sinh năm 1976 và có 02 con (con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2006) hiện ở : thôn 2, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11 đến ngày 19 tháng 10 năm 2018. Bị cáo hiện đang tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Trường K sinh ngày 15/3/1982 tại huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: thôn 6, xã Cư Prao, huyện M'Đrắk, tỉnh Đăk Lăk. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: kinh. Giới tính: nam. Tôn giáo: không. Con ông Nguyễn Trường T sinh năm 1963 và bà Vũ Thị T sinh năm 1952. Vợ: Mai Thị T sinh năm 1985 và có 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2009) hiện ở : thôn 6, xã Cư Prao, huyện M'Đrắk, tỉnh Đăk Lăk. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Doãn Văn V sinh ngày 07/10/1992 tại xã Gi, huyện G, tỉnh N. Nơi cư trú: thôn 4, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: kinh. Giới tính: nam. Tôn giáo: không. Con ông Doãn Văn N sinh năm 1970 và bà Bùi Thị Q sinh năm 1973. Vợ Nguyễn Thị Mỹ S sinh năm 1999 và có 01 con sinh

năm 2016, hiện ở : thôn 4, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Nguyễn Bá N sinh ngày 05/8/1991 tại huyện B, thành phố H. Nơi cư trú: thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: làm nông. Trình độ học vấn: 10/12. Dân tộc: kinh. Giới tính: nam. Tôn giáo: không. Con ông: Nguyễn Văn D sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị N sinh năm 1967. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Những người tham gia tố tụng khác:**

- Những người có quyền lợi, N vụ liên quan:

+ Anh Lê Văn T sinh năm 1996. Nơi cư trú: thôn X, xã D, huyện D, tỉnh K. Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh Huỳnh Nhật N sinh năm 1996. Nơi cư trú: thôn X, xã D, huyện D, tỉnh K. Anh N vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ông Trần Xuân N1 sinh năm 1982. Nơi cư trú: thôn 5, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Ông N vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bà Lưu Thị H sinh năm 1976. Nơi cư trú: thôn 2, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Bà H vắng mặt tại phiên tòa.

- Những người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Văn T sinh năm 1995. Nơi cư trú: thôn 2, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Anh T có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Mai Văn T sinh năm 1989. Nơi cư trú: thôn 1, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Ông T có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Lương Văn Q sinh năm 1989. Nơi cư trú: thôn 6, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Ông Q có mặt tại phiên tòa.

+ Ông Lê Trọng N sinh năm 1975. Nơi cư trú: thôn 2, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Ông N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 10/10/2018, gia đình ông Bùi Kim P tổ chức tiệc đám cưới cho con. Sau khi dự tiệc cưới xong, có một số người khách (chưa xác định được nhân thân) tổ chức đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa tại phòng bếp ngôi nhà bỏ hoang của ông Trần Xuân N ở thôn 05, xã Cư Prao, huyện M'Đrắk. Khi biết có người đánh bạc tại đây, Bùi Tuấn V (con ông P), Đoàn Quang K, Nguyễn Xuân L, Võ Văn H, Nguyễn Bá N, Lương Văn T, Nguyễn Trường K, Doãn Văn V và Đặng Văn H1 đến tham gia đánh bạc. Cụ thể, V mang theo 5.000.000đồng, K mang theo 9.000.000đồng, H mang theo 1.000.000đồng, T mượn 2.000.000đồng của Vũ, H1 mang theo 500.000đồng, L mượn của Vũ 2.000.000đồng, N được một người đánh bạc cùng (chưa xác định được nhân thân) cho 100.000đồng, V đem theo 150.000đồng

và K sử dụng số tiền 200.000đồng để đánh bạc với nhau. V, T, K và một người lạ mặt thay nhau cầm cái cho những người còn lại đánh bạc. Sau đó, những người lạ mặt tham gia đánh bạc từ đầu bỏ về hết, N, V và K thua hết tiền nên ngồi xem, đến 16 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Công an huyện M'Đrắk phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: trên chiếu bạc 16.900.000đồng; trên người V 590.000đồng, K 6.450.000đồng, T 3.120.000đồng, H1 500.000đồng, L 4.000.000đồng và H 1.000.000đồng; 01 đĩa sứ, 01 bát sứ và 04 con vị, 01 chiếu nhựa 2m x 1,8m; xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 79D1-596.33 và xe mô tô BKS 47G1-180.17.

*Các bị cáo Đoàn Quang K, Bùi Tuấn V, Nguyễn Xuân L, Võ Văn H, Nguyễn Bá N, Lương Văn T, Nguyễn Trường K, Doãn Văn V và Đặng Văn H1 bị truy tố theo bản cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự (BLHS).

* Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo khai: khoảng 14 giờ, ngày 10 tháng 10 năm 2018. Sau khi dự tiệc đám cưới của gia đình bị cáo V, do đã uống rượu bia, thấy một số khách lạ mặt chơi xóc đĩa được thua bằng tiền tại nhà bỏ hoang của ông N1, lần lượt các bị cáo đã tham gia chơi xóc đĩa cùng với một số khách lạ mặt. Bị cáo V dùng số tiền 5.000.000đồng (số tiền này được gia đình đưa để trả tiền thuê dàn nhạc phục vụ đám cưới) để tham gia đặt cược chơi xóc đĩa. Bị cáo K dùng 9.000.000đồng (số tiền này bị cáo chuẩn bị để ngày hôm sau đi thanh toán tiền viện phí cho vợ bị cáo đang điều trị ở bệnh viện) để chơi xóc đĩa. Bị cáo N được một người (không rõ họ tên) chơi xóc đĩa cho 100.000đồng, bị cáo H mang theo 1.000.000đồng (bị cáo vay của người khác), bị cáo K có 100.000đồng sử dụng chơi xóc đĩa (sau khi bị cáo K bị thua, có người cho bị cáo 100.000đồng để chơi tiếp), bị cáo V có 150.000đồng và bị cáo H1 có 500.000đồng. Bị cáo V chơi xóc đĩa thắng, bị cáo V trả nợ cho bị cáo T nhiều lần cộng lại đủ 2.000.000đồng , bị cáo L vay bị cáo V 2.000.000đồng để chơi xóc đĩa. Người cầm cái chơi xóc đĩa không cố định, ai có nhu cầu thì cầm cái để người khác đặt cược (không giới hạn mức đặt cược). Khi những người lạ mặt đi về, các bị cáo V, T, K thay nhau cầm cái cho các bị cáo còn lại chơi xóc đĩa với nhau. Các bị cáo N, V và K thua hết tiền nên ngồi xem, còn lại các bị cáo V, K, H, H1, T và L chơi xóc đĩa với nhau. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, Công an huyện M'Đrắk phát hiện bắt quả tang, thu giữ: trên chiếu bạc 16.900.000đồng; thu giữ trên người bị cáo V 590.000đồng, bị cáo K 6.450.000đồng, bị cáo T 3.120.000đồng, bị cáo H1 500.000đồng, bị cáo L 4.000.000đồng (số tiền này bị cáo L không sử dụng chơi xóc đĩa, bị cáo chỉ sử dụng tiền vay của bị cáo V để chơi xóc đĩa) và bị cáo H 1.000.000đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk giữ quyền công tố tại phiên toà, giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố các bị cáo Đoàn Quang K, Bùi Tuấn V, Nguyễn Xuân L, Nguyễn Bá N, Lương Văn T, Võ Văn H, Nguyễn Trường K, Doãn Văn V và Đặng Văn H1 phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 1, 2 Điều 65 BLHS:

+ Về hình phạt chính: xử phạt bị cáo Bùi Tuấn V và bị cáo Đoàn Quang K, mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

+ Về hình phạt bổ sung: phạt bị cáo Đoàn Quang K và bị cáo Bùi Tuấn V, mỗi bị cáo 10.000.000đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Lương Văn T) Điều 51 và khoản 1, 2 Điều 65 BLHS: xử phạt các bị cáo Nguyễn Xuân L, Võ Văn H, Lương Văn T và Đặng Văn H1, mỗi bị cáo từ 07 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 BLHS: xử phạt các bị cáo Nguyễn Trường K, Doãn Văn V và Nguyễn Bá N, mỗi bị cáo từ 02 năm đến 03 năm cải tạo không giam giữ. Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo Nguyễn Bá N để sung quỹ nhà nước.

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) và Điều 47 BLHS:

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 28.560.000đồng, trong đó: thu giữ trên chiếu bạc 16.900.000đồng; thu giữ trên người bị cáo Bùi Tuấn V 590.000đồng, Đoàn Quang K 6.450.000đồng, Lương Văn T 3.120.000đồng, Đặng Văn H1 500.000đồng và Võ Văn H 1.000.000đồng;

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân L 4.000.000đồng.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sứ, 01 bát sứ và 04 con vị; 01 chiếu nhựa .

+ Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrắk đã trả cho các chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô BKS 79D1-596.33 và xe mô tô BKS 47G1-180.17

* Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M'Đrắk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Các bị cáo và các đương sự trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Sau khi dự tiệc đám cưới của gia đình ông Bùi Kim P (bố bị cáo Bùi Tuấn V), vào khoảng 14 giờ ngày 10/10/2018, một số khách (chưa xác định được lai lịch) tổ chức chơi xóc đĩa được thua bằng tiền tại nhà bỏ hoang của ông Trần Xuân N1 ở thôn 5, xã Cư Prao, huyện M'Đrắk. Biết được sự việc, các bị cáo Bùi Tuấn V, Đoàn Quang K, Nguyễn Xuân L, Võ Văn H, Nguyễn Bá N, Lương Văn T, Nguyễn Trường K, Doãn Văn V và Đặng Văn H1 đến

tham gia chơi xóc đĩa. Tổng số tiền lực lượng Công an thu giữ vào lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày là 28.560.000đồng, trong đó thu giữ trên chiếu bạc 16.900.000đồng; thu giữ trên người bị cáo: V 590.000đồng, K 6.450.000đồng, T 3.120.000đồng, H 1.000.000đồng và H1 500.000đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Nên, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk là có căn cứ.

Tại Khoản 1 Điều 321 BLHS quy định:"Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đánh bạc trái phép, xâm phạm đến sự quản lý của Nhà nước về trật tự công cộng, ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội, nên cần phải xử lý theo pháp luật mới có tác dụng giáo dục các bị cáo, đồng thời có tính răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, tự phát phạm tội, thấy những người khác đánh bạc, thì các bị cáo cùng tham gia. HĐXX cần xem xét tính chất, mức độ cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của mỗi bị cáo để lượng hình cho tương xứng với hành vi và hậu quả của từng bị cáo đã gây ra.

Bị cáo K là người dùng số tiền lớn hơn các bị cáo khác để tham gia đánh bạc. Nên cần áp dụng đối với bị cáo K hình phạt cao hơn so với các đồng phạm.

Bị cáo V bỏ ra số tiền lớn hơn so với các bị cáo còn lại, nên cần áp dụng hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo T và bị cáo L dùng số tiền tương đương, lớn hơn các bị cáo khác để đánh bạc, nên cũng cần áp dụng hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại. Bị cáo H bỏ ra số lớn hơn bị cáo H1, cần áp dụng hình phạt H cao hơn bị cáo H1.

Các bị cáo K, V và N dùng số tiền tương đương nhau (chênh lệch không đáng kể) để đánh bạc, ít hơn so với các bị cáo khác và đã tự ý chấm dứt không tham gia đánh bạc trước khi bị lực lượng Công an bắt quả tang. Nên áp dụng hình phạt đối với các bị cáo K, V và N là bằng nhau và nhẹ nhất là phù hợp.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Các bị cáo là người phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm T. HĐXX áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; riêng bị cáo T là người dân tộc thiểu số, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Căn cứ vào tính chất và mức độ phạm tội của từng bị cáo. HĐXX xét thấy các bị cáo chỉ là những người tham gia đánh bạc, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, nơi thường trú cụ thể, rõ ràng. Nên không cần thiết phải bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù.

Đối với các bị cáo K, V, T, L, H, H1, HĐXX cần áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 65BLHS, cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định một thời gian thử thách, cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo. Khi những người tổ chức đánh bạc đi về, các bị cáo K, V và T thay nhau cầm cái để các bị cáo khác đánh bạc, HĐXX cần áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS để áp dụng thêm hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo K và bị cáo V; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T (bị cáo T là dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc hộ cận nghèo có xác nhận của UBND xã CưPrao).

Đối với các bị cáo bị cáo K, V và N, HĐXX áp dụng Điều 36 BLHS để phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo, cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo. Theo biên bản xác minh, bị cáo N có mức thu nhập bình quân là 20.000.000đồng/năm, nên khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo N để sung quỹ nhà nước, cụ thể mỗi tháng là 200.000đồng; bị cáo K và bị cáo V thuộc diện cận nghèo (có xác nhận của UBND xã CưPrao), nên không khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo K và bị cáo V.

[4] Các bị cáo đánh bạc tại nhà bỏ hoang, thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông Trần Xuân N1, nhưng vợ chồng ông N1 không biết. Do đó, không đề cập xử lý.

Anh Huỳnh Nhật N cho anh Lê Văn T mượn xe mô tô BKS 79D1 596.33, anh T chở bị cáo N đi tìm bị cáo H về uống rượu, sau đó anh T đi mua thuốc hút, anh T không biết trước việc bị cáo N sẽ đến địa điểm đánh bạc. Anh N và anh T không có lỗi trong việc bị cáo N tham gia đánh bạc, nên Công an huyện M'Đrắk đã trả lại xe mô tô BKS 79D1 -596.33 cho anh N là đúng pháp luật.

Bà Lưu Thị H là vợ bị cáo Đặng Văn H1, bị cáo H1 điều K xe mô tô BKS 47G1-180.17 (bà H đứng tên chủ sở hữu) đến địa điểm đánh bạc, bị cáo H1 không sử dụng xe mô tô vào mục đích đánh bạc. Nên Công an huyện M'Đrắk đã trả lại xe mô tô BKS 47G1-180.17 cho bà H là đúng pháp luật.

Đối với các đối tượng lạ mặt tham gia đánh bạc đến nay chưa xác định được nhân thân lai lịch, yêu cầu Cơ quan điều tra tiếp tục tiến hành xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 28.560.000đồng, trong đó thu giữ trên chiếu bạc 16.900.000đồng; thu giữ trên người bị cáo Bùi Tuấn V 590.000đồng, Đoàn Quang K 6.450.000đồng, Lương Văn T 3.120.000đồng, Võ Văn H 1.000.000đồng và Đặng Văn H1 500.000đồng dùng để đánh bạc, đây là công cụ dùng vào việc phạm, nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước; 4.000.000đồng Công an huyện M'Đrắk thu của bị cáo L, bị cáo không dùng số tiền này để đánh bạc, nên cần trả lại cho bị cáo L.

Đối với 01 đĩa sứ, 01 bát sứ, 04 con vị, 01 chiếu nhựa là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: các bị cáo bị kết án, các bị cáo phải chịu tiền án phí Hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị cáo T thuộc diện cận nghèo, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Nguyễn Trường K và bị cáo Doãn Văn V thuộc diện cận nghèo, nên được miễn toàn bộ tiền án phí HSST; bị cáo Đoàn Quang K bị mù mắt trái nhưng không có giấy tờ chứng minh là bị khuyết tật, nên vẫn phải chịu tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: tuyên bố các bị cáo Đoàn Quang K, Bùi Tuấn V, Nguyễn Xuân L, Lương Văn T, Võ Văn H, Đặng Văn H1, Nguyễn Trường K, Doãn Văn V và Nguyễn Bá N phạm tội "Đánh bạc".

2.Về hình phạt.

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS:

- Về hình phạt chính:

+ Xử phạt bị cáo Đoàn Quang K 10 (Mười) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng, kể từ ngày tuyên án 24/01/2019.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Tuấn V 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án 24/01/2019.

- Hình phạt bổ sung: phạt bị cáo Đoàn Quang K và bị cáo Bùi Tuấn V, mỗi bị cáo 10.000.000đồng (Mười triệu đồng).

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Lương Văn T) Điều 51 và khoản 1, 2 Điều 65 BLHS:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 08 (Tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án 24/01/2019.

- Xử phạt bị cáo Lương Văn T 07 (Bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng, kể từ ngày tuyên án 24/01/2019.

- Xử phạt bị cáo Võ Văn H 07 (Bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 02 (Hai), kể từ ngày tuyên án 24/01/2019.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn H1 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm, kể từ ngày tuyên án 24/01/2019.

Giao các bị cáo Bùi Tuấn V, Nguyễn Xuân L, Lương Văn T, Võ Văn H, Đặng Văn H1 cho Uỷ ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Đ; giao bị cáo Đoàn Quang K cho Uỷ ban nhân dân xã Kr, huyện K, tỉnh Đăk Lăk giám sát và giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm N vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 BLHS:

Phạt các bị cáo Nguyễn Trường K, Doãn Văn V và Nguyễn Bá N, mỗi bị cáo 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục các bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng của bị cáo Nguyễn Bá N trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước, cụ thể mỗi tháng là 200.000đồng.

Giao các bị cáo Nguyễn Trường K, Doãn Văn V và Nguyễn Bá N cho Uỷ ban nhân dân xã CưPrao, huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục các bị cáo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Áp dụng Điều 106 BLTTHS và Điều 47 BLHS:

- Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrắk đã trả cho: anh Huỳnh Nhật Nguyên xe mô tô BKS 79D1 596.33; bà Lưu Thị Thị H xe mô tô BKS 47G1-180.17.

- Sung quỹ nhà nước 28.560.000đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng); Trả lại cho bị cáo Nguyễn Xuân L 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng), theo biên lai thu tiền số AA/2013/16479 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrắk.

- Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sứ, 01 bát sứ và 04 con vị; 01 chiếu nhựa 2m x 1,8m. Đặc điểm, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M'Đrắk và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrắk ngày 09/01/2019.

4.Về án phí:

- Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Đoàn Quang K, Bùi Tuấn V, Nguyễn Xuân L, Võ Văn H, Đặng Văn H1 và Nguyễn Bá N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo Lương Văn T, Nguyễn Trường K và Doãn Văn V được miễn toàn bộ tiền án phí HSST.

5. Thông báo quyền kháng cáo:

Báo cho các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án HSST trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; những người có quyền lợi và N vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án HSST trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thế Dương

Nơi nhận:
- Vụ 1 TANDTC;
-TAND tỉnh ĐắkLắk;
-Sở Tư PhápĐắkLắk;
-VKSND huyện M'Đrắk;
-Công an huyện M'Đrắk;
-T.H.A dân sự huyện M'Drắk;
-Bị cáo;
-Đương sự;
-UBND xã CưPrao, xã Krông Púk;
-Lưu hồ sơ vụ án.